TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **453**/2023/DS-PT
Ngày: 25/10/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc
Các Thẩm phán: 1/- Ông Võ Bảo Anh
2/- Bà Hà Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2022/TLPT-DS ngày 21/12/2022 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2022/DSST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân quận T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 430/2023/QĐ-PT ngày 11/10/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần P**. Địa chỉ: 4 L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Tầng A Tòa nhà H số A Hòa Bình, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Đức Quốc T, Liêu Thái H và Trương Vĩnh N; thuộc Phòng thu hồi nợ (*văn bản ủy quyền ngày 02/8/2022*).

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn L**. sinh năm: 1985.
Bà **Nguyễn Thị Kim X**. sinh năm: 1988.
Địa chỉ: số D tổ H, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Tấn H1. sinh năm: 1979. Ngụ cùng địa chỉ bị đơn (*văn bản ủy quyền ngày 04/3/2022*).

3. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Tấn H1 người đại diện ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Huỳnh Tấn L và bà Nguyễn Thị Kim X có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP P - Phòng G theo Hợp đồng tín dụng số: 888/2018/PAH/HĐTD ngày 10/4/2018 và khế ước nhận nợ như sau: số tiền vay: 412.000.000đ; mục đích vay: mua xe ô tô; thời hạn vay: 84 tháng (ngày trả nợ cuối cùng: 12/4/2025); lãi suất vay: 8,4%/năm trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Phương thức vay: trả góp hàng tháng nợ gốc từ kỳ 1 đến kỳ 83 trả 4.904.000đ/kỳ, kỳ cuối trả 4.968.000đ. Định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng. Trả nợ lãi định kỳ vào ngày 05 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Tài sản bảo đảm: là xe ô tô Kia Cerato 1.6T biển số 65A-149.59 theo Hợp đồng thế chấp số 888/2018/PAH/HĐTC ngày 10/4/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 888/2018/PAH/HĐTC/SĐBS-01 ngày 18/4/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo đảm tiền vay số 888/2018/PAH/HĐTC ngày 10/4/2018.

Đến ngày 06/02/2020 bị đơn đã ký kết Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 0022/2020/TTD ngày 06/02/2020 với hạn mức tín dụng: 20.000.000đ, loại thẻ tín dụng quốc tế hạng chuẩn (M), lãi suất 30%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Bị đơn đã rút tiền mặt tổng cộng: 16.000.000đ (trong đó ngày 25/02/2020 rút 14.000.000đ; ngày 15/8/2020 rút 2.000.000đ).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn và sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi, phí theo hợp đồng. Kể từ thời điểm vay vốn bị đơn chỉ thanh toán được tổng cộng 226.303.127đ (trong đó tiền gốc 142.216.000đ; lãi trong hạn 83.678.853đ; lãi quá hạn 408.274đ), đến ngày 05/10/2020 bị đơn không trả nợ cho đến nay. Tạm tính đến ngày 31/8/2022 tiền gốc và lãi, phí như sau:

+ Đối với hợp đồng tín dụng: nợ gốc: 269.784.000đ; nợ lãi trong hạn: 50.765.334đ; nợ lãi quá hạn lãi: 5.367.433đ; nợ lãi quá hạn gốc: 20.046.163đ;

+ Đối với thẻ tín dụng: nợ gốc: 16.000.000đ; nợ lãi: 23.222.968đ; phí thẻ: 29.220.641đ;

Tổng cộng gốc và lãi, phí thẻ hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng: 414.406.539đ. Nay nguyên đơn yêu cầu: buộc bị đơn trả nợ tạm tính đến ngày 31/8/2022 là 414.406.539đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của bị đơn để thu hồi nợ.

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 888/2018/PAH/HĐTC ngày 10/4/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 888/2018/PAH/HĐTC/SĐBS-01 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo đảm tiền vay

số 888/2018/PAH/HĐTC ngày 10/4/2018. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý.

* *Bị đơn ông Huỳnh Tấn L, bà Nguyễn Thị Kim X có đơn phản tố và thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Bị đơn có ký hợp đồng tín dụng và mở thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP P - Phòng G. Đối với hợp đồng tín dụng số 888/2018/PAH/HĐTD ngày 10/4/2018 thì bị đơn đã nộp được 29 tháng với số tiền gốc 142.216.000đ và trả tiền lãi đầy đủ 29 tháng. Do tình hình kinh tế khó khăn và dịch bệnh C bị phong tỏa nghiêm ngặt nên làm ăn thua lỗ hết vốn. Bị đơn có nhiều lần gặp Ngân hàng đề nghị miễn giảm lãi suất nhưng Ngân hàng không đồng ý với lý do Ngân hàng tư nhân không áp dụng Ngân hàng N1. Bị đơn chưa đóng tiền gốc, lãi từ ngày 05/10/2020 vì lý do khách quan từ dịch bệnh Covid bị phong tỏa nghiêm ngặt. Sau đó Ngân hàng khởi kiện ra Toà án để đòi nợ toàn bộ gốc và lãi một lần, trong khi đó hợp đồng tín dụng này là hợp đồng trả góp tiền gốc và lãi hàng tháng. Điều này đồng nghĩa với việc Ngân hàng đã đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng tín dụng.

Bị đơn thế chấp tài sản là xe ô tô Kia Cerato 1.6T biển số 65A-149.59 theo Hợp đồng thế chấp số 888/2018/PAH/HĐTC ngày 10/4/2018 cho nguyên đơn. Tuy nhiên chiếc xe là quyền sở hữu của bị đơn, nguyên đơn giữ giấy đăng ký xe là hạn chế quyền sở hữu xe của bị đơn.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng: bị đơn có ký kết hợp đồng mở thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 0022/2020/TTD ngày 06/02/2020 với Ngân hàng nhằm mục đích dùng số tiền này để trả lãi cho hợp đồng tín dụng. Đối với lãi suất thẻ tín dụng quá cao so với lãi suất theo quy định.

Do đó bị đơn không đồng ý yêu cầu trả tiền gốc và lãi, phí thẻ theo yêu cầu của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn có yêu cầu phản tố: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy đăng ký xe ô tô Kia Cerato 1.6AT biển số 65A-149.59 cho bị đơn; yêu cầu Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn giảm lãi phí cho bị đơn theo quy định tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 về về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid 19.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận T đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 81/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn L, bà Nguyễn Thị Kim X về yêu cầu trả nợ gốc, lãi, phí theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng.

Ông Huỳnh Tấn L và bà Nguyễn Thị Kim X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP P tổng tiền gốc và lãi, phí tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2022) là 414.406.539đ, trong đó: Hợp đồng tín dụng gồm: tiền gốc: 269.784.000đ; tiền lãi trong hạn: 50.765.334đ; tiền lãi quá hạn lãi: 5.367.433đ; tiền lãi quá hạn gốc: 20.046.163đ; Thẻ tín dụng: tiền gốc: 16.000.000đ; tiền lãi: 23.222.968đ; phí thẻ: 29.220.641đ.

Ông Huỳnh Tấn L và bà Nguyễn Thị Kim X tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Tấn L và bà Nguyễn Thị Kim X đối với nguyên đơn Ngân hàng TMCP P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/9/2022 ông Huỳnh Tấn H1 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận phản tố của bị đơn buộc Ngân hàng phải cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: kháng cáo của bị đơn có căn cứ, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã ký kết. Bị đơn phản tố bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn trả lại giấy đăng ký xe ô tô cho bị đơn, yêu cầu được cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn giảm lãi phí cho bị đơn theo quy định tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 09/7/2021 về về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về việc tổ chức tín

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid 19. Cấp sơ thẩm xác định "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét kháng cáo thấy rằng:

[2] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định bị đơn có ký hợp đồng tín dụng và mở thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP P - Phòng G để vay tiền như nội dung đã thể hiện trên. Nguyên đơn cũng thừa nhận đối với hợp đồng tín dụng số 888/2018/PAH/HĐTD ngày 10/4/2018, bị đơn có thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi hàng tháng được 29 tháng với số tiền gốc 142.216.000đ và trả tiền lãi đầy đủ 29 tháng; đến ngày 05/10/2020 bị đơn ngưng không trả vốn gốc và lãi. Còn đối với hợp đồng số 0022/2020/TTD ngày 06/02/2020 mở thẻ tín dụng, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ. Đánh giá luận điểm này, thấy rằng: ngày 31/3/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 theo đó thực hiện cách ly toàn xã hội kể từ 0 giờ ngày 01/4/2020 trên phạm vi toàn quốc… yêu cầu mọi người dân ở tại nhà, chỉ ra ngoài trong trường hợp thật sự cần thiết như mua lương thực, thực phẩm, thuốc men… Như vậy kể từ thời điểm này tất cả mọi hoạt động, giao thương đều bị ngừng trệ. Từ đó, ngày 13/3/2020 Thống đốc Ngân hàng N1 ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19; đối tượng áp dụng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài… Do đó, Ngân hàng TMCP P cũng là đối tượng chịu sự điều chỉnh của Thông tư này. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đơn xin được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhưng không được Ngân hàng đồng ý. Việc nguyên đơn lý giải Thông tư này chỉ áp dụng đối với Ngân hàng nước ngoài, không áp dụng đối với Ngân hàng TMCP nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Thông tư là không đúng.

[3] Bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn gốc và lãi đầy đủ đến tháng 10/2020, sau đó mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiếp theo hợp đồng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát và kể từ thời điểm áp dụng Chỉ thị 16/CT-TTg trên toàn quốc thì mọi hoạt động, giao thương trên toàn quốc bị ngưng trệ, chỉ trừ những hoạt động cứu tế, lưu thông hàng hóa theo sự xét duyệt cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong

gian bùng phát dịch bệnh Covid-19 là sự kiện khách quan, được điều chỉnh bởi Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021) của Thống đốc Ngân hàng N1 để cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 là tất yếu. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn kể cả khoản nợ chưa đến hạn là áp dụng pháp luật không đúng, không xem xét đúng các quy định hướng dẫn của nhà nước trong tình hình đặc biệt khi đất nước lâm vào cảnh thiên tai, dịch họa.

[4] Kháng cáo của bị đơn có căn cứ nên được chấp nhận. Cần sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn phải thực hiện việc cơ cấu lại nợ cho bị đơn theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021) của Thống đốc Ngân hàng N1 và chỉ khi đó nếu bị đơn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền khởi kiện để đòi nợ mới phù hợp và có căn cứ.

Quan điểm của Kiểm sát viên phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo được chấp nhận, nên bị đơn không phải chịu án phí. Án phí sơ thẩm phải điều chỉnh lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, 91, 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021) của Thống đốc Ngân hàng N1; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Sửa bản án sơ thẩm.

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P (Phòng G) đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn L, bà Nguyễn Thị Kim X về yêu cầu trả nợ gốc, lãi, phí theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng.

2/- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc Ngân hàng TMCP P (Phòng G) thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho bị đơn theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021) của Thống đốc Ngân hàng N1.

3/- Về án phí: Nguyên đơn chịu 20.576.262đ án phí sơ thẩm; khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.539.832đ theo Biên lai số 005142 ngày 25/3/2021, nên còn phải nộp thêm 13.036.430đ án phí sơ thẩm.

Bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ theo Biên lai số 0002603 ngày 15/7/2022.

Về án phí phúc thẩm: bị đơn không phải chịu nên được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0002677 ngày 19/9/2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. T;
- Chi cục THADS Q.T;
- Lưu (HS - 2b).